

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2025

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Kiều V, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị V vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Anh L1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2024, nguyên đơn chị Võ Thị Kiều V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M vào năm 2019. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra

cải vã và vợ chồng đã quyết định ly thân, phần ai người ấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm giữa chị và anh [L](#) không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh [Trần Văn L](#).

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn [Trần Văn L](#) nhưng anh [L](#) không có ý kiến gì về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn [Võ Thị Kiều V](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn” với bị đơn [Trần Văn L](#). Trong vụ án này, bị đơn là anh [L](#) có địa chỉ nơi cư trú tại: [Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi](#). Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Võ Thị Kiều V](#) và anh [Trần Văn L](#) kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại [UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi](#). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị [V](#) và anh [L](#) là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị [V](#) và anh [L](#) xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã quyết định ly thân, phần ai người ấy sống, không quan tâm gì đến nhau là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh [L](#) nhưng anh [L](#) không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị [V](#) và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để Tòa án hòa giải cho anh, chị về đoàn tụ chung sống. Điều này chứng tỏ anh [L](#) không muốn hàn gắn tình cảm với chị [V](#), mâu thuẫn giữa chị [V](#) và anh [L](#) là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [V](#). Cho chị [Võ Thị Kiều V](#) được ly hôn anh [Trần Văn L](#).

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị [V](#) trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị [Võ Thị Kiều V](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000208 ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị [Võ Thị Kiều V](#) được ly hôn anh [Trần Văn L](#).

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị [V](#) trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị [Võ Thị Kiều V](#) phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000208 ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- [Chi Cục THADS huyện M](#);
- [UBND xã Đ](#);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Hòa